BAO LONG INSURANCE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2025

Số: 01 /2025/TB-HĐQT

THÔNG BÁO

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo kế hoạch như sau:

1. **Thời gian tổ chức:**
   - Thời gian : 08h00, Thứ Năm, ngày 24 tháng 04 năm 2025
   - Địa điểm : Lầu 2 - Tòa nhà Trụ sở chính Bảo Long, 185 Điện Biên Phủ, P. Đakao, Q. 1, TP.HCM
2. **Nội dung Đại hội:** Trình thông qua các nội dung sau:
   - Tờ trình thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;
   - Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2024;
   - Tờ trình về kế hoạch kinh doanh năm 2025;
   - Tờ trình về kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025;
   - Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
   - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
   - Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Bảo Long năm 2025;
   - Tờ trình về số lượng Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028;
   - Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028
   - Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Toàn văn các tài liệu chương trình Đại hội, Quý cổ đông vui lòng tham khảo tại website của Bảo Long: https://baolonginsurance.com.vn/nha-dau-tu#section-3
4. **Điều kiện tham dự Đại hội:**
   - Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt cổ đông vào ngày 24/03/2025 có quyền tham dự Đại hội.
   - Cổ đông không dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự.
5. **Đăng ký tham dự Đại hội:**

   Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông và người đại diện theo ủy quyền vui lòng:
   - Xác nhận tham dự Đại hội (theo mẫu đính kèm) bằng gửi trực tiếp hoặc thư hoặc fax hoặc email hoặc gọi điện thoại về Tổng Công ty **trước 17h00 ngày 22/04/2025** theo địa chỉ:

     BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẢO LONG
     - ❖ Địa chỉ : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Tp. HCM
     - ❖ Điện thoại : (028) 38 239 219 # 433 Fax: (028) 38 228 967
     - ❖ Email : ly_ntx@baohiembaolong.vn (Ms. Ly)
   - Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền mang theo Thư mời họp, bản gốc CCCD/CC/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (*đính kèm Thư mời họp*) để đăng ký.

Thông báo này thay cho Thư mời trong trường hợp cổ đông không nhận được Thư mời.

Trân trọng thông báo,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

NGUYỄN THÀNH LONG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**

Tên cổ đông: .....Mã số: .....

Người đại diện (nếu là cổ đông pháp nhân):.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số: ……. ..... Cấp ngày:.....tại: ……

Địa chỉ liên lạc:..... .....

Hiện sở hữu cổ phần (đến thời điểm chốt danh sách ngày 24/03/2025): ..... cổ phần.

Căn cứ Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long vào ngày 24/04/2025, tôi xin xác nhận việc tham dự như sau:

☐ Trực tiếp tham dự

☐ Ủy quyền cho Chủ tọa Đại hội

☐ Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ và tên: .....

Số CCCD/CC/Hộ chiếu: ..... Cấp ngày:..... tại:.....

Bằng văn bản này, tôi đăng ký hoặc ủy quyền cho người có tên trên tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 24/04/2025.

Tôi cam đoan không khiếu nại về kết quả biểu quyết và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này.

Ngày tháng năm 2025

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN	**NGƯỜI THAM DỰ/ NGƯỜI ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu đối với pháp nhân)*

✂ ----------

Ghi chú: Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội xin vui lòng gửi trực tiếp hoặc gửi bằng thư hoặc fax hoặc email hoặc gọi điện thoại trực tiếp về Tổng Công ty **trước 17h00 ngày 22/04/2025** theo địa chỉ:
BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẢO LONG
185 Điện Biên Phủ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38 239 219#433 - Fax: (028) 38 228 967
Email: ly_ntx@baohiembaolong.vn (Ms. Ly)

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

1. **Thời gian:** 08h00, Thứ Năm, ngày 24/04/2025
2. **Địa điểm:** Lầu 2 - Trụ sở chính Bảo Long, 185 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Q. 1, Tp. HCM.

Thời gian	Nội dung
08:00 – 08:15	Đại biểu đăng ký và nhận tài liệu
08:15 – 08:30	– Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự – Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền biểu quyết – Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu
08:30 – 08:45	– Chủ tọa thông qua Quy chế Đại hội và Chương trình Đại hội
08:45 – 10:30	Trình bày các báo cáo và tờ trình: 1. Tờ trình thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; 2. Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2024; 3. Tờ trình về kế hoạch kinh doanh năm 2025; 4. Tờ trình về kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) năm 2025; 5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025; 6. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025; 7. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán BCTC của Bảo Long năm 2025; 8. Tờ trình về số lượng Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028; 9. Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028; 10. Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội. – Đại hội thảo luận – Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình
10:30 – 10:45	Giải lao
10:45 –10:50	Công bố kết quả biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình
10:50 – 11:00	– Công bố Biên bản Đại hội và biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội – Tuyên bố bế mạc Đại hội

BAO LONG INSURANCE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

Số: 02 /2025/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế tổ chức
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều 20 của Điều lệ (sửa đổi lần thứ mười ba) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ngày 30/06/2023,

Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Dự thảo Quy chế gồm 4 Chương và 14 Điều đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

NGUYỄN THÀNH LONG

DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (sau đây gọi tắt là Bảo Long).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông (sau đâu gọi tắt là Đại hội), điều kiện, thể thức tiến hành và thể lệ biểu quyết của cuộc họp.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 24/03/2025 có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp.
- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước hoặc hộ chiếu.
- Giấy ủy quyền theo mẫu kèm Thư mời họp *(trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).*

Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền được ký bởi chính cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/ tổ chức đó.

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết (ghi tên cổ đông, mã số và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó).

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được phát biểu trước đó thì không phát biểu lại để tránh trùng lắp. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào *"Phiếu ghi ý kiến đóng góp"* và gửi lại Ban Thư ký để tập hợp và chuyển cho Chủ tọa đoàn.

d. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

e. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn của Chủ tọa đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

f. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ Chủ tọa đoàn

1. Chủ tọa đoàn do Hội đồng quản trị giới thiệu, thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa đoàn gồm có Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tọa và các thành viên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một trong số họ làm chủ tọa theo nguyên tắc đa số.

3. Nhiệm vụ của Chủ tọa đoàn:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo các báo cáo, tờ trình và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e. Yêu cần thực hiện các biện pháp an ninh nếu cần thiết: Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị thành lập.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

a. Kiểm tra căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, thư mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 24/03/2025 để kiểm tra tính hợp lệ;

d. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết của Đại hội.

e. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa đoàn giới thiệu.
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
   a. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội;
   b. Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và kịp thời báo cáo cho Chủ tọa đoàn xem xét giải trình cho cổ đông;
   c. Soạn thảo và báo cáo cho Đại hội nội dung biên bản cuộc họp trước khi bế mạc Đại hội.
   d. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hay Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
   a. Hướng dẫn công khai cho cổ đông cách thức biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;
   b. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham gia Đại hội.
   c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.

Chương III
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2025.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không làm mất trật tự, không sử dụng điện thoại di động trong thời gian diễn ra Đại hội.

Điều 11. Thể lệ biểu quyết

1. Mọi Nghị quyết của Đại hội phải được biểu quyết một cách công khai, trực tiếp.
2. Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu hoặc được ủy quyền (nếu có).
3. Cách thức biểu quyết: cổ đông sẽ biểu quyết các vấn đề bằng Thẻ biểu quyết:

Mỗi cổ đông nhận 01 Thẻ biểu quyết có in đầy đủ họ và tên, mã số cổ đông, số lượng cổ phần và có đóng dấu treo của Bảo Long. Cổ đông biểu quyết từng vấn đề cần biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa đoàn. Đối với từng vấn đề biểu quyết, cổ đông sẽ cho ý kiến "Đồng ý", "Không đồng ý" hoặc "Không có ý kiến".

Điều 12. Thông qua các nội dung biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Bảo Long;
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Bảo Long;
   e. Tổ chức lại, giải thể Bảo Long;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV
KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản và nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 4 chương, 14 điều, có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

BAO LONG INSURANCE

TP. HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2025

Số: 03./2025/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2024 của Bảo Long đã được kiểm toán như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Chỉ tiêu	KH 2024 triệu đồng	TH 2024 triệu đồng	% HTKH
Phí BH	**1.530.000**	**1.526.345**	**99,8%**
Phí nhượng tái	(374.402)	(323.916)	
Tăng/(giảm) dự phòng phí	(13.743)	(50.847)	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	116.549	99.170	
Doanh thu thuần hoạt động BH	**1.258.404**	**1.250.752**	**99,4%**
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(596.700)	(749.735)	
Thu bồi thường nhượng tái	161.218	273.257	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(570.895)	(554.519)	
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.006.377)	(1.030.996)	
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH	**252.028**	**219.755**	**87,2%**
Lợi nhuận hoạt động tài chính	**75.700**	**94.987**	**125,5%**
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(246.678)	(233.449)	
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	**81.050**	**81.293**	**100,3%**
Lợi nhuận khác	-	782	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**81.050**	**82.076**	**101,3%**

Tổng thể, kết quả hoạt động kinh năm 2024 vượt kế hoạch đề ra về lợi nhuận, doanh thu xấp xỉ hoàn thành kế hoạch. Kết quả của từng chỉ tiêu hoạt động cụ thể như sau:

1.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu từ phí bảo hiểm

Doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 1.526.345 triệu đồng, hoàn thành 99,8% kế hoạch đề ra.

Chi phí bồi thường

Chi phí bồi thường bảo hiểm là 749.735 triệu đồng. Theo đó, tỷ lệ bồi thường tính trên doanh thu phí bảo hiểm là 49,1%, vượt 10% so với tỷ lệ kế hoạch 2024. Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của cơn bão Yagi xảy ra trong năm 2024 dẫn đến nhiều thiệt hại

lớn ở các mảng nghiệp vụ tài sản và bảo hiểm nhận tái. Số lượng xe cơ giới phải bồi thường sau bão cũng tác động tiêu cực đến tỷ lệ bồi thường nghiệp vụ xe nói riêng và tỷ lệ bồi thường của toàn danh mục nói chung.

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm dự phòng dao động lớn, chi phí hoa hồng, chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Tổng chi phí này phát sinh trong năm 2024 là 554.519 triệu đồng, tương ứng 36,3% doanh thu phí bảo hiểm, thấp hơn tỷ lệ kế hoạch 37,3%.

1.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Tổng thể, lợi nhuận đầu tư tài chính năm 2024 (không bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi không kỳ hạn) đạt 95.186 triệu đồng, vượt 25,8% so với kế hoạch năm 2024, tương ứng ROI là 6,24%. Dưới đây là kết quả đầu tư theo từng nhóm tài sản đầu tư:

STT	Nhóm tài sản đầu tư	Kế hoạch (triệu đồng)			Thực hiện (triệu đồng)		
		Nguồn BQ	Thu nhập	ROI	Nguồn BQ	Thu nhập	ROI
1	Tiền gửi ngân hàng	1.384.000	60.700	4,39%	1.460.450	76.460	5,24%
2	Chứng khoán	53.000	15.000	28,3%	64.686	18.726	28,95%
	TỔNG	**1.437.000**	**75.700**	**5,26%**	**1.528.883**	**95.186**	**6,24%**

1.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2024 là 233.449 triệu đồng, thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

1.4. Lợi nhuận kế toán trước thuế

Việc phân phối lợi nhuận năm 2024 dự kiến sẽ được thực hiện như sau:

STT	Chỉ tiêu	2024 triệu đồng
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.076
2	Thuế TNDN 2024	17.495
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	64.581
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc (5%/LNST)	3.229
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	61.352

Việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được thực hiện trên cơ sở Nghị Quyết ĐHĐCĐ.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Trên cơ sở kết quả kinh doanh nêu trên, Bảo Long đã lập báo cáo tài chính năm 2024 theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG Việt Nam và được đính kèm theo tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua kết quả kinh doanh năm 2024 và báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

NGUYỄN THÀNH LONG

Nơi nhận:
- Như trên;
-Lưu VT, VP HĐQT.

KPMG

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	1529/GP-UB	ngày 11 tháng 7 năm 1995
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH ngày 9 tháng 6 năm 2017. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong vòng 99 năm kể từ ngày 11 tháng 7 năm 1995.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	059614	ngày 2 tháng 8 năm 1995
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch
	Ông Phan Quốc Dũng	Phó Chủ tịch Thường trực
	Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch
	Ông Lại Quốc Phong	Thành viên
	Bà Phạm Minh Châm	Thành viên
	Ông Hà Thế Định	Thành viên (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
	Bà Trịnh Thị Thanh	Thành viên (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
	Bà Nguyễn Hồ Thu Thủy	Thành viên (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Ban Điều hành	Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Minh Châm	Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Tài chính
	Ông Hà Minh Hiếu	Kế toán trưởng
	Bà Nguyễn Thúy Hằng	Giám đốc khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng HĐQT
Ban Kiểm soát	Bà Lê Thị Thanh Bình	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Thành viên
	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
	Ông Võ Hoàng Duy Trinh	Thành viên (đến ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Trụ sở đăng ký	185 Điện Biên Phủ Phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành

S.G.P: 71 - T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited Branch, a branch of KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG global organization of independent member firms affiliated with KPMG International Limited, a private English company limited by guarantee. All rights reserved.

KPMG

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00542-25-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	**100**		**2.406.280.444.477**	**1.969.449.538.810**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**137.852.240.575**	**87.229.256.976**
Tiền	111		117.852.240.575	87.229.256.976
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.473.948.587.654**	**1.243.024.683.413**
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	4.186.371.000	24.788.437.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(2.611.498.100)	(3.603.080.400)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.426.122.904.439	1.190.513.671.233
Đầu tư ngắn hạn khác	128	5(c)	47.129.179.580	32.129.179.580
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5(c)	(878.369.265)	(803.524.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**6**	**411.257.397.571**	**393.522.181.539**
Phải thu của khách hàng	131		301.685.061.902	283.886.435.664
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	*131.1*		*301.685.061.902*	*283.886.435.664*
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		132.616.331.420	144.117.375.323
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(23.043.995.751)	(34.481.629.448)
Hàng tồn kho	**140**		**389.404.189**	**416.267.599**
Hàng tồn kho	141		389.404.189	416.267.599
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**55.076.173.303**	**50.476.729.284**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	55.076.173.303	50.476.729.284
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	*151.1*		*50.173.824.017*	*47.966.527.090*
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	*151.2*		*4.902.349.286*	*2.510.202.194*
Tài sản tái bảo hiểm	**190**	**17(a)**	**327.756.641.185**	**194.780.419.999**
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		105.421.632.419	124.368.717.797
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		222.335.008.766	70.411.702.202

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	**200**		**169.312.932.741**	**359.549.614.051**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**6**	**12.501.863.144**	**23.977.221.553**
Phải thu dài hạn khác	218		12.501.863.144	23.977.221.553
Ký quỹ bảo hiểm	*218.1*		*12.000.000.000*	*12.000.000.000*
Phải thu dài hạn khác	*218.2*		*501.863.144*	*11.977.221.553*
Tài sản cố định	**220**		**115.822.867.271**	**115.211.502.361**
Tài sản cố định hữu hình	221	8	17.130.844.630	17.814.655.623
Nguyên giá	*222*		*46.523.416.092*	*45.072.114.092*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(29.392.571.462)*	*(27.257.458.469)*
Tài sản cố định vô hình	227	9	91.593.810.141	76.014.546.416
Nguyên giá	*228*		*111.561.026.627*	*86.194.826.627*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(19.967.216.486)*	*(10.180.280.211)*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	7.098.212.500	21.382.300.322
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5(b)**	**-**	**182.000.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.503.000.000	183.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**40.988.202.326**	**38.360.890.137**
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	21.716.624.619	22.571.202.412
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	5.654.346.263	6.160.053.675
Tài sản dài hạn khác	268		13.617.231.444	9.629.634.050
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.575.593.377.218**	**2.328.999.152.861**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.675.362.908.877**	**1.492.094.426.463**
Nợ ngắn hạn	**310**		**1.671.886.502.944**	**1.488.477.527.130**
Phải trả cho người bán	312		315.108.597.942	344.422.421.137
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	*312.1*	*13*	*315.108.597.942*	*344.422.421.137*
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	21.598.350.811	25.751.149.009
Phải trả người lao động	315		7.062.928.667	16.542.308.971
Chi phí phải trả	316		21.560.749.002	20.390.963.551
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		19.850.800.446	12.199.576.634
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	15	70.443.812.887	53.491.314.873
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	27.048.197.426	34.412.594.826
Dự phòng nghiệp vụ	329		1.189.213.065.763	981.267.198.129
Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	*329.1*	*17(a)*	*607.889.059.450*	*575.989.067.455*
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	*329.2*	*17(a)*	*465.104.151.700*	*301.082.566.982*
Dự phòng dao động lớn	*329.3*	*17(b)*	*116.219.854.613*	*104.195.563.692*
Nợ dài hạn	**330**		**3.476.405.933**	**3.616.899.333**
Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	180.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342		3.446.405.933	3.436.899.333
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**900.230.468.341**	**836.904.726.398**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**900.230.468.341**	**836.904.726.398**
Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		37.454.476.690	34.225.446.077
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		17.750.679.958	17.750.679.958
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		245.446.566.538	185.349.855.208
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.575.593.377.218**	**2.328.999.152.861**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2024	1/1/2024
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm – phí bảo hiểm gốc – VND		136.350.425.089	150.425.876.794
Nợ khó đòi đã xử lý – VND		25.770.764.041	12.827.086.381
Ngoại tệ – USD	32(b)	1.361.855	1.053.208

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:
Châu Hậu Doanh Doanh	Hà Minh Hiếu	Phan Quốc Dũng
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Mã số	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.250.751.633.361	1.257.810.418.444
Doanh thu hoạt động tài chính	12	101.959.977.699	122.542.365.599
Thu nhập khác	13	1.465.459.992	766.075.225
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.030.996.379.141	1.022.130.605.080
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.972.712.463	2.699.581.064
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	233.449.089.277	244.743.208.584
Chi phí khác	24	683.120.898	526.855.312
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24)	**50**	**82.075.769.273**	**111.018.609.228**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16.989.449.609	23.021.141.102
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	505.707.412	(939.938.049)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	**60**	**64.580.612.252**	**88.937.406.175**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**1.076**	**1.413**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	**01**		**1.494.444.987.900**	**1.608.363.421.452**
Trong đó:				
- *Phí bảo hiểm gốc*	*01.1*	*19(a)*	*1.357.031.379.358*	*1.262.966.824.585*
- *Phí nhận tái bảo hiểm*	*01.2*	*19(b)*	*169.313.600.537*	*257.854.792.591*
- *Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm*	*01.3*	*17(a)(ii)*	*31.899.991.995*	*(87.541.804.276)*
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	**02**		**342.862.973.191**	**480.020.000.262**
Trong đó:				
- *Tổng phí nhượng tái bảo hiểm*	*02.1*	*20*	*323.915.887.813*	*408.106.087.978*
- *Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm*	*02.2*	*17(a)(ii)*	*(18.947.085.378)*	*(71.913.912.284)*
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	**03**		**1.151.582.014.709**	**1.128.343.421.190**
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		99.169.618.652	129.466.997.254
Trong đó:				
- *Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm*	*04.1*	*21*	*88.730.283.153*	*122.884.492.491*
- *Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm*	*04.2*		*10.439.335.499*	*6.582.504.763*
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	**10**		**1.250.751.633.361**	**1.257.810.418.444**
Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11	22	567.311.526.467	728.480.770.876
Trong đó:				
- *Tổng chi bồi thường*	*11.1*		*575.142.396.261*	*737.692.053.654*
- *Các khoản giảm trừ (thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường)*	*11.2*		*7.830.869.794*	*9.211.282.778*
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	23	121.334.070.526	293.916.666.195
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	17(a)(i)	164.021.584.718	(116.680.946.435)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	17(a)(i)	151.923.306.564	(91.585.344.384)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	**15**		**458.075.734.095**	**409.468.502.630**

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	17(b)	12.024.290.921	11.127.155.292
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	24	560.896.354.125	601.534.947.158
Trong đó:				
- *Chi hoa hồng bảo hiểm*	*17.1*		*128.501.754.918*	*192.281.534.870*
- *Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm*	*17.2*		*432.394.599.207*	*409.253.412.288*
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	**18**		**1.030.996.379.141**	**1.022.130.605.080**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)	**19**		**219.755.254.220**	**235.679.813.364**
Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	101.959.977.699	122.542.365.599
Chi phí hoạt động tài chính	24	26	6.972.712.463	2.699.581.064
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)	**25**		**94.987.265.236**	**119.842.784.535**
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	233.449.089.277	244.743.208.584
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 – 26)	**30**		**81.293.430.179**	**110.779.389.315**
Thu nhập khác	31		1.465.459.992	766.075.225
Chi phí khác	32		683.120.898	526.855.312
Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	**40**		**782.339.094**	**239.219.913**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**82.075.769.273**	**111.018.609.228**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	16.989.449.609	23.021.141.102
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	28	505.707.412	(939.938.049)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	**60**		**64.580.612.252**	**88.937.406.175**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**29**	**1.076**	**1.413**

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:
Châu Hậu Doanh Doanh	Hà Minh Hiếu	Phan Quốc Dũng
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu			
Tiền thu từ cung cấp dịch vụ bảo hiểm và doanh thu khác	01	1.576.133.988.323	1.570.041.637.895
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	196.249.216.475	185.352.466.619
Tiền chi			
Tiền chi bồi thường bảo hiểm, chi hoa hồng và chi trả các khoản nợ khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm	02	(1.084.919.112.112)	(1.158.522.221.474)
Tiền chi trả người lao động	03	(251.771.611.732)	(218.564.478.255)
Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	05	(23.049.824.702)	(24.847.395.119)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(391.386.913.730)	(399.708.479.153)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**21.255.742.522**	**(46.248.469.487)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.338.802.515)	(5.570.400.322)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(441.000.000.000)	(1.087.680.334.079)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	417.254.071.223	879.250.531.742
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.103.328.336	73.644.356.403
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**32.018.597.044**	**(140.355.846.256)**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(2.989.008.379)	(955.904.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(2.989.008.379)**	**(955.904.280)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**50.285.331.187**	**(187.560.220.023)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**87.229.256.976**	**274.751.537.174**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**	**337.652.412**	**37.939.825**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	**70**	**137.852.240.575**	**87.229.256.976**

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:
Châu Hậu Doanh Doanh	Hà Minh Hiếu	Phan Quốc Dũng
Người lập	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995 và sau đó được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 9 tháng 6 năm 2017.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM") vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là "BLI".

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(c) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên tại các thành phố và tỉnh thành tại Việt Nam (1/1/2024: một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 970 nhân viên (1/1/2024: 944 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 ("Thông tư 232") do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán áp dụng cho báo cáo tài chính được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập như sau:

Tình trạng quá hạn	*Tỷ lệ dự phòng*
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Điều hành Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(m)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(f) Ký quỹ bảo hiểm

Theo quy định của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 ("Nghị định 46") của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Tổng Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Tổng Công ty chấm dứt hoạt động.

Ký quỹ bảo hiểm được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 13 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm. Không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất lâu dài.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu gồm chi phí cải tạo, nâng cấp và trang trí văn phòng được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 năm đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng nghiệp vụ được đề cập tại các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tổng Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 ("Thông tư 67") do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 ("Công văn 792") do Bộ Tài Chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.

(i) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67, cụ thể như sau:

- Phương pháp 1/24: phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67.

"Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo" ("IBNR") là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện hành.

(ii) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Dự phòng toán học cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67, chi tiết như sau:

- Phương pháp 1/8: Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn). Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó;
- Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày (1/365): Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Tổng Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67, cụ thể như sau:

- Phương pháp 1/24: Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67.

"Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo" ("IBNR") là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Các quỹ

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc này bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Quỹ dự trữ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau.

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư 67.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể như sau:

- Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Khi rủi ro được hủy bỏ và cần hoàn lại phí bảo hiểm, phí bảo hiểm được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền phí bảo hiểm được hoàn phát sinh, nếu thích hợp.

(s) Doanh thu từ các hoạt động đầu tư

(i) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(t) Hoạt động tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(m)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi Tổng Công ty nhận được bản xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

(u) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong kỳ kế toán dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) thường xuyên được rà soát lại và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản chi phí bồi thường trong năm bao gồm các khoản đã thanh toán trong kỳ kế toán liên quan đến các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong năm đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết hoặc các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và các điều chỉnh trong năm hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường phát sinh trong các kỳ trước.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

(v) Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng phát sinh từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

(w) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(x) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(y) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh. Hiện tại, Tổng Công ty có một bộ phận hoạt động kinh doanh là hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và hoạt động trên một bộ phận địa lý là Việt Nam.

(z) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

(aa) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(bb) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
Tiền mặt	3.209.185.519	2.046.928.427
Tiền gửi ngân hàng	114.643.055.056	85.182.328.549
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	137.852.240.575	87.229.256.976

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 1,50% (1/1/2024: không có).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024				1/1/2024			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM								
PEG	199.351	4.186.371.000	1.574.872.900	(2.611.498.100)	199.351	4.186.371.000	877.144.400	(3.309.226.600)
PCF		-	-	-	43.800	444.000.000	216.810.000	(227.190.000)
PND		-	-	-	19.607	196.070.000	129.406.200	(66.663.800)
		4.186.371.000	1.574.872.900	(2.611.498.100)		4.826.441.000	1.223.360.600	(3.603.080.400)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức (trước đây là "Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam)		-	-	-	1.153.173	19.961.996.000	19.961.996.000	-
		4.186.371.000	1.574.872.900	(2.611.498.100)		24.788.437.000	21.185.356.600	(3.603.080.400)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	3.603.080.400	12.352.954.630
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	(991.582.300)	(8.749.874.230)
Số dư cuối năm	2.611.498.100	3.603.080.400

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn tại ngân hàng (i)	1.426.122.904.439	1.190.513.671.233
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn tại ngân hàng	-	182.000.000.000
▪ Trái phiếu (ii)	1.503.000.000	1.503.000.000
	1.503.000.000	183.503.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (iii)	(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
	-	182.000.000.000

(i) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 3,04% đến 10,00% (1/1/2024: từ 4,32% đến 11,48%).

(ii) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.

(iii) Số dư dự phòng này phản ánh dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.

(c) Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư ngắn hạn khác		
▪ Ủy thác đầu tư (i)	47.129.179.580	32.129.179.580
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác (ii)	(878.369.265)	(803.524.000)
	46.250.810.315	31.325.655.580

(i) Số dư này phản ánh khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công có thời hạn gốc là 12 tháng mà theo đó Tổng Công ty chịu rủi ro đối với các khoản đầu tư thuộc Hợp đồng ủy thác đầu tư này.

(ii) Số dư dự phòng này phản ánh khoản dự phòng giảm giá của các chứng khoán thuộc Hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	803.524.000	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	74.845.265	803.524.000
Số dư cuối năm	878.369.265	803.524.000

6. Các khoản phải thu

(a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	38.871.489.118	48.102.857.500
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	90.984.010.602	58.706.604.306
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	163.893.173.324	169.277.102.420
Phải thu phí đồng bảo hiểm	7.830.531.481	7.703.637.061
Phải thu khác	105.857.377	96.234.377
	301.685.061.902	283.886.435.664
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 6(d))	(17.459.153.935)	(30.026.850.787)
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm, thuần	284.225.907.967	253.859.584.877

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	55.094.727.288	61.251.170.839
Tạm ứng chi phí kinh doanh	35.776.778.997	40.112.997.612
Tạm ứng bồi thường	21.697.089.301	31.256.740.216
Phải thu lãi từ ủy thác đầu tư	6.121.729.257	212.284.685
Phải thu cổ tức	3.082.992.000	387.875.000
Ký quỹ ngắn hạn	2.120.624.509	2.991.716.925
Phải thu khác	8.722.390.068	7.904.590.046
	132.616.331.420	144.117.375.323
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 6(d))	(5.584.841.816)	(4.454.778.661)
Phải thu ngắn hạn khác, thuần	127.031.489.604	139.662.596.662

(c) Các khoản phải thu dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu dài hạn khác		
▪ Ký quỹ bảo hiểm (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
▪ Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	501.863.144	11.977.221.553
	12.501.863.144	23.977.221.553

(i) Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch và hưởng lãi suất năm là 4,3% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 9,25%).

(d) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024			1/1/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	19.684.927.214	17.459.153.935	2.225.773.279	33.784.092.363	30.026.850.787	3.757.241.576
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.584.841.816	5.584.841.816	-	4.454.778.661	4.454.778.661	-
	25.269.769.030	23.043.995.751	2.225.773.279	38.238.871.024	34.481.629.448	3.757.241.576

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	34.481.629.448	42.022.269.918
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	1.506.043.963	(7.598.489.832)
Sử dụng dự phòng trong năm	(12.943.677.660)	-
Điều chỉnh khác	-	57.849.362
Số dư cuối năm	23.043.995.751	34.481.629.448

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	50.173.824.017	47.966.527.090
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.902.349.286	2.510.202.194
	55.076.173.303	50.476.729.284

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	47.966.527.090	80.717.843.780
Tăng trong năm	130.709.051.845	159.530.218.180
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 24)	(128.501.754.918)	(192.281.534.870)
Số dư cuối năm	50.173.824.017	47.966.527.090

8. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Nhà cửa, vật kiến trúc (i) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	7.604.225.652	1.481.297.319	7.014.693.356	45.072.114.092
Tăng trong năm	-	-	-	1.451.302.000	1.451.302.000
Số dư cuối năm	28.971.897.765	7.604.225.652	1.481.297.319	8.465.995.356	46.523.416.092
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.748.070.731	4.712.007.183	1.351.297.099	6.446.083.456	27.257.458.469
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	423.581.664	130.000.220	551.733.697	2.135.112.993
Số dư cuối năm	15.777.868.143	5.135.588.847	1.481.297.319	6.997.817.153	29.392.571.462
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	14.223.827.034	2.892.218.469	130.000.220	568.609.900	17.814.655.623
Số dư cuối năm	13.194.029.622	2.468.636.805	-	1.468.178.203	17.130.844.630

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Nhà cửa, vật kiến trúc (i) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.887.723.356	46.065.356.528
Tăng trong năm	-	-	-	126.970.000	126.970.000
Xóa sổ	-	(1.120.212.436)	-	-	(1.120.212.436)
Số dư cuối năm	28.971.897.765	7.604.225.652	1.481.297.319	7.014.693.356	45.072.114.092
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.718.273.319	5.542.802.026	1.177.963.803	6.146.666.639	26.585.705.787
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	289.417.593	173.333.296	299.416.817	1.791.965.118
Xóa sổ	-	(1.120.212.436)	-	-	(1.120.212.436)
Số dư cuối năm	14.748.070.731	4.712.007.183	1.351.297.099	6.446.083.456	27.257.458.469
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	15.253.624.446	3.181.636.062	303.333.516	741.056.717	19.479.650.741
Số dư cuối năm	14.223.827.034	2.892.218.469	130.000.220	568.609.900	17.814.655.623

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 11.012 triệu VND (1/1/2024: 9.621 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(i) Khoản mục này bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180 triệu VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 15(i)).

9. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	**Quyền sử dụng đất (i) VND**	**Phần mềm máy vi tính VND**	**Tổng cộng VND**
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	81.509.726.627	4.685.100.000	86.194.826.627
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	-	22.504.230.000	22.504.230.000
Tăng trong năm	-	2.861.970.000	2.861.970.000
Số dư cuối năm	81.509.726.627	30.051.300.000	111.561.026.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.959.257.383	4.221.022.828	10.180.280.211
Khấu hao trong năm	184.300.656	9.602.635.619	9.786.936.275
Số dư cuối năm	6.143.558.039	13.823.658.447	19.967.216.486
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	75.550.469.244	464.077.172	76.014.546.416
Số dư cuối năm	75.366.168.588	16.227.641.553	91.593.810.141

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	**Quyền sử dụng đất (i) VND**	**Phần mềm máy vi tính VND**	**Tổng cộng VND**
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	81.509.726.627	4.676.100.000	86.185.826.627
Tăng trong năm	-	9.000.000	9.000.000
Số dư cuối năm	81.509.726.627	4.685.100.000	86.194.826.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.774.956.727	3.945.067.669	9.720.024.396
Khấu hao trong năm	184.300.656	275.955.159	460.255.815
Số dư cuối năm	5.959.257.383	4.221.022.828	10.180.280.211
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	75.734.769.900	731.032.331	76.465.802.231
Số dư cuối năm	75.550.469.244	464.077.172	76.014.546.416

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 8.607 triệu VND (1/1/2024: 8.607 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(i) Khoản mục này bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.471 triệu VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 15(i)).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	21.382.300.322	15.947.870.000
Tăng trong năm	8.405.868.015	5.434.430.322
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(22.504.230.000)	-
Giảm trong năm	(185.725.837)	-
Số dư cuối năm	7.098.212.500	21.382.300.322

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 1)	-	10.793.620.322
Chi phí dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 2)	-	4.863.430.000
Chi phí dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 3)	4.392.212.500	3.245.250.000
Hệ thống quản lý trực tuyến Fast Business	2.706.000.000	2.480.000.000
	7.098.212.500	21.382.300.322

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí mua bảo hiểm cho nhân viên VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	18.859.775.000	1.087.341.344	1.980.555.419	643.530.649	22.571.202.412
Tăng trong năm	20.982.940.000	1.097.382.853	721.323.860	516.944.750	23.318.591.463
Phân bổ trong năm	(20.608.353.333)	(1.118.586.213)	(1.840.611.568)	(605.618.142)	(24.173.169.256)
Số dư cuối năm	19.234.361.667	1.066.137.984	861.267.711	554.857.257	21.716.624.619

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20%	5.654.346.263	6.160.053.675

13. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	200.554.932.532	235.185.821.864
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	17.293.951.435	37.907.169.492
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	72.470.849.466	51.657.534.242
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	18.817.989.356	16.227.281.269
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	4.985.121.065	2.809.546.765
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	985.754.088	635.067.505
	315.108.597.942	344.422.421.137

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/ cấn trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.527.558.367	56.802.669.595	(55.484.435.758)	8.845.792.204
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.079.585.849	16.989.449.609	(23.049.824.702)	7.019.210.756
Thuế thu nhập cá nhân	4.669.951.256	16.677.410.921	(16.116.302.652)	5.231.059.525
Thuế khác	474.053.537	1.431.925.529	(1.403.690.740)	502.288.326
	25.751.149.009	91.901.455.654	(96.054.253.852)	21.598.350.811

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả cổ tức	6.360.958.073	9.349.966.452
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (i)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (ii)	10.668.734.958	6.222.914.527
Phí tạm thu chờ phân bổ	15.167.687.522	7.759.625.930
Phải trả Quỹ Quản lý giám sát bảo hiểm	3.492.705.446	3.034.801.953
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	1.288.141.789	2.295.764.603
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	682.203.692	673.010.108
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	123.665.653	286.671.542
Phải trả khác	23.523.352.118	14.732.196.122
	70.443.812.887	53.491.314.873

(i) Số dư này phản ánh số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9).

(ii) Số dư này phản ánh số tiền bồi thường phân bổ cho các công ty tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	34.412.594.826	58.895.295.871
Tăng trong năm	81.365.885.753	98.401.791.446
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 21)	(88.730.283.153)	(122.884.492.491)
Số dư cuối năm	27.048.197.426	34.412.594.826

17. Dự phòng nghiệp vụ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)**	**Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)**	**Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)**
Dự phòng bồi thường (i)	465.104.151.700	222.335.008.766	242.769.142.934
▪ *Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết*	*419.313.802.304*	*212.617.532.122*	*206.696.270.182*
▪ *Dự phòng IBNR*	*45.790.349.396*	*9.717.476.644*	*36.072.872.752*
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	607.889.059.450	105.421.632.419	502.467.427.031
	1.072.993.211.150	327.756.641.185	745.236.569.965

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	**Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)**	**Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)**	**Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)**
Dự phòng bồi thường (i)	301.082.566.982	70.411.702.202	230.670.864.780
▪ *Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết*	*255.457.918.467*	*58.168.519.553*	*197.289.398.914*
▪ *Dự phòng IBNR*	*45.624.648.515*	*12.243.182.649*	*33.381.465.866*
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	575.989.067.455	124.368.717.797	451.620.349.658
	877.071.634.437	194.780.419.999	682.291.214.438

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	**Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)**	**Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)**	**Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)**
Số dư đầu năm	301.082.566.982	70.411.702.202	230.670.864.780
Trích lập dự phòng trong năm	164.021.584.718	151.923.306.564	12.098.278.154
Số dư cuối năm	465.104.151.700	222.335.008.766	242.769.142.934

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	**Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)**	**Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)**	**Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)**
Số dư đầu năm	417.763.513.417	161.997.046.586	255.766.466.831
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(116.680.946.435)	(91.585.344.384)	(25.095.602.051)
Số dư cuối năm	301.082.566.982	70.411.702.202	230.670.864.780

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	**Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)**	**Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)**	**Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)**
Số dư đầu năm	575.989.067.455	124.368.717.797	451.620.349.658
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	31.899.991.995	(18.947.085.378)	50.847.077.373
Số dư cuối năm	607.889.059.450	105.421.632.419	502.467.427.031

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	**Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)**	**Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)**	**Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)**
Số dư đầu năm	663.530.871.731	196.282.630.081	467.248.241.650
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(87.541.804.276)	(71.913.912.284)	(15.627.891.992)
Số dư cuối năm	575.989.067.455	124.368.717.797	451.620.349.658

(b) Dự phòng dao động lớn

	2024 VND	**2023 VND**
Số dư đầu năm	104.195.563.692	93.068.408.400
Trích lập dự phòng trong năm	12.024.290.921	11.127.155.292
Số dư cuối năm	116.219.854.613	104.195.563.692

18. Vốn chủ sở hữu

(a) Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	29.778.575.768	13.578.079.395	105.031.919.905	747.967.320.223
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	88.937.406.175	88.937.406.175
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	4.172.600.563	(4.172.600.563)	-
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	4.446.870.309	-	(4.446.870.309)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	34.225.446.077	17.750.679.958	185.349.855.208	836.904.726.398
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	64.580.612.252	64.580.612.252
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	3.229.030.613	-	(3.229.030.613)	-
Trích quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.254.870.309)	(1.254.870.309)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	37.454.476.690	17.750.679.958	245.446.566.538	900.230.468.341

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh thực tế trong giai đoạn 2016 – 2022, Tổng Công ty sẽ trích tỷ lệ từ 5% – 20% nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) của từng năm để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Theo đó, Tổng Công ty đã trích thêm vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 4.172.600.563 VND, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và đang được ghi nhận ở khoản mục quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024.

(b) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(526)	(5.260.000)	(526)	(5.260.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	599.994.740.000	59.999.474	599.994.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	**%**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	49.082.342	81,80%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51%
Các cổ đông cá nhân khác	7.013.481	11,69%
	59.999.474	100%

19. Doanh thu phí bảo hiểm

(a) Phí bảo hiểm gốc

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	503.130.850.670	483.832.554.223
Bảo hiểm con người	387.752.503.401	299.483.363.065
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	254.723.912.066	269.326.152.179
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	101.499.000.123	100.533.156.145
Bảo hiểm tàu thuyền	56.229.162.643	54.320.417.769
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	47.090.202.839	49.345.909.064
Bảo hiểm thuyền viên	6.605.747.616	6.125.272.140
	1.357.031.379.358	1.262.966.824.585

(b) Phí nhận tái bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	9.672.441.532	32.275.685.750
Bảo hiểm con người	8.202.906.393	84.630.930.079
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	132.081.818.523	121.565.174.422
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	754.611.817	835.493.195
Bảo hiểm tàu thuyền	164.619.568	171.369.066
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	18.437.202.704	18.376.140.079
	169.313.600.537	257.854.792.591

20. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	685.345.124	71.663.857.905
Bảo hiểm con người	106.921.442.987	90.991.094.849
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	146.009.346.700	168.395.104.450
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	32.492.835.671	33.972.980.333
Bảo hiểm tàu thuyền	16.489.823.244	16.717.163.703
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	20.491.597.564	25.654.220.374
Bảo hiểm thuyền viên	825.496.523	711.666.364
	323.915.887.813	408.106.087.978

21. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	8.274.930.119	42.747.160.811
Bảo hiểm con người	17.390.782.677	19.551.268.152
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	49.288.963.379	45.788.972.428
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	6.749.643.928	7.592.150.765
Bảo hiểm tàu thuyền	2.263.272.230	2.571.623.494
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.762.690.820	4.633.316.841
	88.730.283.153	122.884.492.491

22. Chi bồi thường

	2024 VND	2023 VND
Chi bồi thường		
▪ Chi bồi thường bảo hiểm gốc (i)	497.577.756.554	571.443.699.761
▪ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (ii)	77.564.639.707	166.248.353.893
	575.142.396.261	737.692.053.654
Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường		
▪ Thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường	(7.830.869.794)	(9.211.282.778)
	567.311.526.467	728.480.770.876

(i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	230.996.576.701	258.836.200.345
Bảo hiểm con người	149.073.989.359	131.952.881.900
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	52.149.753.796	108.973.949.134
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	29.384.782.628	33.184.178.903
Bảo hiểm tàu thuyền	27.096.501.068	33.487.352.497
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	8.321.369.002	4.245.838.540
Bảo hiểm thuyền viên	554.784.000	763.298.442
	497.577.756.554	571.443.699.761

(ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	5.851.853.601	25.981.846.494
Bảo hiểm con người	29.608.419.979	102.609.629.130
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	39.487.964.432	35.365.719.844
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	317.459.007	110.609.875
Bảo hiểm tàu thuyền	927.215.590	1.813.314.683
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.371.727.098	367.233.867
	77.564.639.707	166.248.353.893

23. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	15.865.540.096	102.104.195.679
Bảo hiểm con người	51.595.526.039	78.190.727.196
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	34.626.413.436	90.192.957.505
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	8.760.905.111	12.380.525.337
Bảo hiểm tàu thuyền	4.953.433.056	9.831.479.040
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	5.532.252.788	1.216.781.438
	121.334.070.526	293.916.666.195

24. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	2024 VND	2023 VND
Chi hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 7(i))	128.501.754.918	192.281.534.870
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		
▪ *Chi phí phát triển kinh doanh*	*139.867.540.324*	*152.760.678.416*
▪ *Chi phí nhân viên*	*176.390.320.457*	*114.960.678.619*
▪ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*	*64.104.032.609*	*78.867.527.103*
▪ *Chi phí giám định tổn thất*	*18.402.051.851*	*20.343.296.087*
▪ *Công cụ, dụng cụ*	*2.703.302.534*	*4.046.392.823*
▪ *Chi phí khác*	*30.927.351.432*	*38.274.839.240*
	432.394.599.207	409.253.412.288
	560.896.354.125	601.534.947.158

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn	76.569.957.335	108.008.644.630
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	11.205.978.533	1.231.057.386
Thu nhập lãi từ đầu tư trái phiếu	-	1.846.854.452
Cổ tức được chia	2.895.117.000	2.202.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.390.612.896	5.374.795.242
Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	5.898.311.935	3.878.763.889
	101.959.977.699	122.542.365.599

26. Chi phí hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	2.189.468.436	6.882.196.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.699.981.062	3.763.735.139
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5(a))	(991.582.300)	(8.749.874.230)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán thuộc hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh 5(c))	74.845.265	803.524.000
	6.972.712.463	2.699.581.064

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	158.291.431.988	186.185.289.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.776.448.515	49.805.958.208
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 6(d))	1.506.043.963	(7.598.489.832)
Công cụ và dụng cụ	8.907.475.555	7.590.356.815
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	5.961.948.870	6.411.073.480
Chi phí khấu hao	11.922.049.268	2.252.220.933
Thuế và phí	83.691.118	96.799.784
	233.449.089.277	244.743.208.584

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	16.521.566.009	23.460.341.102
Dự phòng thiếu/(thừa) trong năm trước	467.883.600	(439.200.000)
	16.989.449.609	23.021.141.102
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	505.707.412	(939.938.049)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	17.495.157.021	22.081.203.053

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	82.075.769.273	111.018.609.228
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	16.415.153.855	22.203.721.846
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.191.142.966	757.131.207
Thu nhập không bị tính thuế (cổ tức)	(579.023.400)	(440.450.000)
Dự phòng thiếu/(thừa) trong năm trước	467.883.600	(439.200.000)
	17.495.157.021	22.081.203.053

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	64.580.612.252	88.937.406.175
Số phân bổ vào quỹ khác (*)	-	(4.172.600.563)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	64.580.612.252	84.764.805.612

(*) Số phân bổ vào quỹ khác để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	59.999.474	59.999.474
Cô phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	59.999.474	59.999.474

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND/cổ phiếu	2023 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.076	1.413

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu. chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào. và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu. trái phiếu. tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	134.643.055.056	85.182.328.549
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	1.426.122.904.439	1.190.513.671.233
Ủy thác đầu tư – tiền gửi ngân hàng	(i)	3.482.294.127	2.270.000.921
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iii)	301.685.061.902	283.886.435.664
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	(iii)	55.094.727.288	61.251.170.839
Ký quỹ ngắn hạn	(iii)	2.120.624.509	2.991.716.925
Phải thu khác	(iii)	53.703.890.322	48.617.747.343
Ký quỹ bảo hiểm	(i)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	(iii)	501.863.144	11.977.221.553
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(i)	-	182.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	(ii)	1.503.000.000	1.503.000.000
Tài sản dài hạn khác	(iii)	13.617.231.444	9.629.634.050
		2.004.474.652.231	1.891.822.927.077

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, ủy thác đầu tư – tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán nợ của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tổng Công ty.

(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đã quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	25.368.468.917	29.734.900.604
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.897.795.314	1.817.012.239
Quá hạn trên 180 ngày	312.834.443	379.775.906
	29.579.098.674	31.931.688.749

Các khoản phải thu bị quá hạn và đã được trích lập dự phòng tại ngày báo cáo được trình bày trong Thuyết minh 6(d).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**Giá trị ghi sổ VND**	**Dòng tiền theo hợp đồng VND**	**Trong vòng 1 năm VND**
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	315.108.597.942	315.108.597.942	315.108.597.942
Phải trả cổ tức	6.360.958.073	6.360.958.073	6.360.958.073
Chi phí phải trả	21.560.749.002	21.560.749.002	21.560.749.002
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	27.821.926.909	27.821.926.909	27.821.926.909
	370.852.231.926	370.852.231.926	370.852.231.926

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	**Giá trị ghi sổ VND**	**Dòng tiền theo hợp đồng VND**	**Trong vòng 1 năm VND**
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	344.422.421.137	344.422.421.137	344.422.421.137
Phải trả cổ tức	9.349.966.452	9.349.966.452	9.349.966.452
Chi phí phải trả	20.390.963.551	20.390.963.551	20.390.963.551
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.726.679.725	18.726.679.725	18.726.679.725
	392.890.030.865	392.890.030.865	392.890.030.865

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái. lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được. trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty đảm bảo trạng thái thuần của rủi ro này được giữ ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mất cân đối ngắn hạn. Ban Điều hành không tham gia vào các giao dịch bảo hiểm rủi ro tiền tệ vì cho rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái đối với Tổng Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024	**1/1/2024**
	VND	**VND**
		(Điều chỉnh lại)
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	134.643.055.056	85.182.328.549
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	1.426.122.904.439	1.190.513.671.233
Ủy thác đầu tư – tiền gửi ngân hàng	3.482.294.127	2.270.000.921
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	-	182.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	1.503.000.000	1.503.000.000

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn kinh doanh do Tổng Công ty nắm giữ. Ban Điều hành của Tổng Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Đầu tư phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Tổng Công ty là không đáng kể vì Tổng Công ty nắm giữa danh mục chứng khoán vốn kinh doanh không trọng yếu.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính. cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trên bảng cân đối kế toán. như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ (Điều chỉnh lại)	Giá trị hợp lý
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM	1.574.872.900	1.574.872.900	1.223.360.600	1.223.360.600
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	19.961.996.000	(*)
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	1.426.122.904.439	(*)	1.190.513.671.233	(*)
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	-	(*)	182.000.000.000	(*)
▪ Trái phiếu – dài hạn	-	(*)	-	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền các khoản tương đương tiền	137.852.240.575	137.852.240.575	87.229.256.976	87.229.256.976
▪ Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – thuần	284.225.907.967	(*)	253.859.584.877	(*)
▪ Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	55.094.727.288	(*)	61.251.170.839	(*)
▪ Ký quỹ ngắn hạn	2.120.624.509	(*)	2.991.716.925	(*)
▪ Phải thu khác	53.703.890.322	(*)	48.617.747.343	(*)
▪ Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
▪ Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	501.863.144	(*)	11.977.221.553	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	13.617.231.444	(*)	9.629.634.050	(*)

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ (Điều chỉnh lại)	Giá trị hợp lý
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
▪ Đầu tư ngắn hạn khác	46.250.810.315	(*)	31.325.655.580	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	(315.108.597.942)	(*)	(344.422.421.137)	(*)
▪ Phải trả cổ tức	(6.360.958.073)	(*)	(9.349.966.452)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(21.560.749.002)	(*)	(20.390.963.551)	(*)
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(27.821.926.909)	(*)	(18.726.679.725)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu đã niêm yết được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định. thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ. các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên. các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 67 và Công văn 792.

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ; và

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 792.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ. rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông,. mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Tổng Công ty duy trì biên khả năng thanh toán tối thiểu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Nghị định 46.

Biên khả năng thanh toán tối thiểu của công ty bảo hiểm phi nhân thọ sẽ là giá trị lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25,0% trong tổng số phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán;
- 12,5% trong tổng số phí bảo hiểm gốc cộng với phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán.

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ an toàn vốn của Tổng Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty VND	**Biên khả năng thanh toán tối thiểu VND**	**Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %**
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	687.702.442.632	300.607.273.021	229%
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	627.645.351.795	278.178.882.300	226%

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	8.726.197.158	10.931.805.028
Trong vòng hai đến năm năm	14.448.353.345	10.535.874.001
Trên năm năm	741.000.000	-
	23.915.550.503	21.467.679.029

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.361.855	34.407.661.722	1.053.208	25.289.907.307

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

(a) Số dư với các bên liên quan

	Phải thu/(Phải trả)	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Tiền gửi thanh toán	35.114.720.460	25.456.238.612
Tiền gửi có kỳ hạn	1.172.122.904.439	1.105.259.600.000
Dự thu lãi tiền gửi	45.488.183.868	60.758.922.973
Các bên liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán	8.411.924.190	9.478.127.795
Tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	52.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	1.508.935.015	2.655.999.763
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	-	(47.100.000)
Thành viên Ban Điều hành		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	(608.200.000)	(608.200.000)

(b) Giao dịch phát sinh với các bên liên quan

	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	300.000.000.000	1.105.259.600.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	277.339.941.901	874.340.393.249
Thu nhập lãi tiền gửi	59.330.948.330	92.402.405.553
Phí dịch vụ ngân hàng	10.912.000	13.808.920
Công ty liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	55.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	52.000.000.000	36.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	2.922.232.691	3.783.943.196
Phí dịch vụ ngân hàng	307.780.166	222.199.371
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	4.062.870.309	2.556.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	264.000.000	898.260.000
Thành viên Ban Điều hành		
Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác	7.982.340.000	7.982.100.000

34. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2024 VND	2023 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	325.737.500	260.590.000
Phí cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính)	169.950.000	135.960.000

Các mức phí trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

35. Thông tin so sánh

Ngoại trừ các điều chỉnh dưới đây, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã phát hiện ra sai sót trong việc trình bày các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá ba tháng trong các khoản tương đương tiền thay vì trong đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và đã quyết định điều chỉnh lại một số số liệu so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Mã số	1/1/2024 VND (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	1/1/2024 VND (Điều chỉnh lại)
Các khoản tương đương tiền	112	485.000.000.000	(485.000.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	705.513.671.233	485.000.000.000	1.190.513.671.233

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	2023 VND (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	995.615.294.537	(116.364.762.795)	879.250.531.742
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(23.991.083.461)**	**(116.364.762.795)**	**(140.355.846.256)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(71.195.457.228)**	**(116.364.762.795)**	**(187.560.220.023)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**643.386.774.379**	**(368.635.237.205)**	**274.751.537.174**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**70**	**572.229.256.976**	**(485.000.000.000)**	**87.229.256.976**

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập:	Người kiểm soát:	Người duyệt:
Châu Hậu Doanh Doanh	Hà Minh Hiếu	Phan Quốc Dũng
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

BAO LONG INSURANCE

TP. HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2025

Số: 04./2025/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2023/QH15 ban hành ngày 16/06/2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU (VNĐ)	DIỄN GIẢI
1	Lợi nhuận trước thuế	82.075.769.273	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	17.495.157.021	
3	Lợi nhuận sau thuế	64.580.612.252	= (1) – (2)
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc	3.229.030.613	= (3) * 5%
5	Lợi nhuận giữ lại sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	61.351.581.639	= (3) – (4)
6	Thù lao HĐQT và BKS năm 2024	3.229.030.613	Thực hiện theo Tờ trình số ..06../2025/TT-HĐQT ngày 03/4/2025
7	Lợi nhuận giữ lại	58.122.551.026	= (5) – (6)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

NGUYỄN THÀNH LONG

Nơi nhận:
- Như trên
-Lưu VT, VP HĐQT;

BAO LONG INSURANCE

TP. HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2025

Số: 05/2025/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) năm 2024 và dự báo tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng phát triển của Ngành bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong thời gian tới, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông duyệt thuận thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Năm 2025 là năm thứ 3 Bảo Long triển khai chiến lược kinh doanh giai đoạn 2023 - 2027. Trong bối cảnh rủi ro kinh tế chính trị toàn cầu tăng cao, nền kinh tế trong nước vẫn đang trong giai đoạn phục hồi, Bảo Long sẽ tiếp tục tập trung vào các vấn đề cốt lõi ưu tiên sự ổn định hệ thống và an toàn hoạt động, cụ thể bao gồm các mục tiêu sau: kiểm soát tốt rủi ro, duy trì hiệu quả hoạt động; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực nhân sự, gắn kết trong toàn hệ thống.

Các mục tiêu của năm 2025 phù hợp với chiến lược phát triển của giai đoạn với ba ưu tiên chiến lược (1) Công nghệ hóa, (2) Năng lực hoạt động, (3) Văn hóa và thương hiệu.

II. GIẢI PHÁP KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2025

Năm 2025, Bảo Long triển khai 5 nhóm giải pháp trong chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm 2023 - 2027.

Hiệu suất	
(1)	Hoàn thiện giai đoạn cuối cùng của hệ thống Megamind bao gồm sản phẩm Hàng hải, hệ thống báo cáo, phân hệ tài chính kế hoạch;
(2)	Triển khai hệ thống phê duyệt thanh toán online - kết nối với ngân hàng;
(3)	Rà soát, tu chỉnh, xây dựng các quy chế, quy định nội bộ về lao động.
Chuyên môn	
(1)	Luân chuyển cán bộ quản lý giữa TSC và đơn vị;

(2)	Đào tạo "Kỹ năng đào tạo" cho nhân sự quản lý nghiệp vụ.
Cải tiến sáng tạo	
(1)	Triển khai các giải pháp thanh toán online và thẻ tín dụng rộng rãi cho toàn hệ thống;
(2)	Điều chỉnh chương trình tái bảo hiểm nhằm nâng cao năng lực tái bảo hiểm và hiệu quả hoạt động.
KPIs	
(1)	Rà soát hệ thống chỉ tiêu KPis áp dụng cho toàn hệ thống;
Gắn kết	
(1)	Triển khai các chương trình hướng đến chuỗi hoạt động kỷ niệm Bảo Long 30 năm - kế hoạch trọng tâm để truyền thông nội bộ, tạo sự gắn kết đội ngũ và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

III. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2025

Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch của Bảo Long năm 2025 được trình bày trong bảng dưới đây:

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	TH 2024 triệu đồng	KH 2025 triệu đồng	% tăng trưởng
Phí BH	**1.526.345**	**1,609,000**	**5,4%**
Phí nhượng tái	(323.916)	(340.041)	
Tăng/(giảm) dự phòng phí	(50.847)	(37.619)	
Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	99.170	69.793	
Doanh thu thuần hoạt động BH	**1.250.752**	**1.301.133**	**4,0%**
Chi bồi thường (bao gồm trích lập DPBT)	(749.735)	(571.748)	
Thu bồi thường nhượng tái	273.257	140.925	
Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(554.519)	(635.178)	
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.030.997)	(1.066.001)	
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH	**219.755**	**235.132**	**7,0%**
Lợi nhuận hoạt động tài chính	**94.988**	**61.060**	**(35,7%)**
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(233.449)	(240.135)	
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	**81.294**	**56.057**	**(31,0%)**
Lợi nhuận khác	782	-	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**82.076**	**56.057**	**(31,7%)**

Quy mô tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	% tăng trưởng
	VNDm	VNDm	
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	861.456	922.093	7,0%
Vốn chủ sở hữu	900.230	945.076	5,0%
Danh mục đầu tư	1.504.147	1.635.853	8,8%
Tổng tài sản	2.575.593	2.681.000	4,1%

3.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm năm 2025 tăng trưởng 5,4% so với cùng kì, ước đạt 1.609.000 triệu đồng.

Chi phí trích lập dự phòng phí

Với doanh thu năm 2025 chỉ tăng tưởng tương đối, chi phí trích lập dự phòng phí (bao gồm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm) năm 2025 dự kiến là 37.619 triệu đồng.

Chi phí bồi thường (bao gồm trích lập dự phòng bồi thường)

Dự kiến chi phí bồi thường bao gồm các hồ sơ ước bồi thường trong năm 2025 khoảng 571.748 triệu đồng, tương đương với 35,5% doanh thu phí bảo hiểm.

Chi phí tái bảo hiểm

Với kế hoạch doanh thu, bồi thường như trên thì chi phí tái (bao gồm phí nhượng tái, hoa hồng nhượng tái, thu bồi thường nhượng tái) ước tính là 129.323 triệu đồng, chiếm 8,0% doanh thu phí bảo hiểm.

Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH

Chi phí hoa hồng bảo hiểm:

Hoa hồng bảo hiểm được thực hiện theo đúng tỷ lệ quy định của BTC.

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

Chi phí bán hàng bao gồm chi phí lương, chi phí bán hàng & phát triển kinh doanh thuộc định mức khoán cho các đơn vị kinh doanh trực tiếp được quy định trong Cơ chế tài chính áp dụng cho các đơn vị thành viên.

Chi phí dự phòng dao động lớn

Chi phí dự phòng dao động lớn được trích lập theo phương pháp trích lập đã đăng kí với Bộ Tài chính.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Từ số liệu kế hoạch của các khoản mục doanh thu chi phí như trình bày ở trên, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo kế hoạch sẽ là **235.132** triệu đồng, tăng 7% so với cùng kỳ.

3.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Tổng nguồn vốn đầu tư khả dụng bình quân	1.570.000 triệu đồng
Tỷ suất lợi nhuận bình quân kỳ vọng	3,89 %/ năm
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	**61.060 triệu đồng**

Năm 2025 dự kiến là năm khó khăn về hoạt động đầu tư tài chính đối với Bảo Long. Cơ cấu danh mục đầu tư của Bảo Long chủ yếu bao gồm hoạt động đầu tư tiền gửi và kinh doanh chứng khoán. Lãi suất hoạt động tiền gửi giảm mạnh với lãi suất kỳ hạn 12 tháng khoảng 3,2% - 6%, ngoài ra hoạt động chứng khoán cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vì vậy, kế hoạch lợi nhuận hoạt động đầu tư năm 2025 là 61.060 triệu động, tỷ suất lợi nhuận là 3,89%.

Kế hoạch lợi nhuận đầu tư 2025 sụt giảm xấp xỉ 30% so với kết quả thực hiện năm 2024 cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn biến động kế hoạch lợi nhuận kinh doanh tổng thể của Bảo Long trong năm 2025.

3.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dự kiến năm 2025 phát sinh là 240.135 triệu đồng, tương đương so với năm 2024.

3.4. Lợi nhuận trước thuế

Năm 2025, lợi nhuận kế toán trước thuế của Bảo Long ước đạt **56.057 triệu đồng**, tương ứng ROE là 4,7%.

3.5. Quy mô tài sản và nguồn vốn

Quỹ dự phòng nghiệp vụ

Quỹ dự phòng nghiệp vụ năm 2025 ước là 922.093 triệu đồng.

Vốn chủ sở hữu

Năm 2025, vốn chủ sở hữu của Bảo Long ước đạt 945.076 triệu đồng, tăng 5% so với cùng kỳ.

Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư ước đạt 1.635.853 triệu đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ.

Tổng tài sản

Tổng tài sản năm 2025 ước tính là 2.681.000 triệu đồng, tăng 4,1% so cùng kỳ.

IV. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025, Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2025 phù hợp với tình hình và đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

NGUYỄN THÀNH LONG

Nơi nhận:
- Như trên
-Lưu VT, VP HĐQT;

BAO LONG INSURANCE

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

Số: 06 /2025/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long,
- Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2025,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt kế hoạch thù lao năm 2025 đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

1. Thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và kết quả kinh doanh năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2024 như sau:

Quỹ thù lao được duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	3.229.030.613 đồng
Trong đó:	
Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã chi trong năm 2024	3.072.000.000 đồng
Quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị năm 2024 (Bảo Long hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)	157.030.613 đồng

2. Thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025

Với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế theo kế hoạch năm 2025, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả như sau:

2.1. Nguyên tắc xác định mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả theo nguyên tắc:

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả theo nguyên tắc:

(i) Mức thù lao tháng của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát tương ứng với lương bình quân 12 tháng năm 2024 của các chức danh quản lý từ cấp Giám đốc Vùng trở lên thuộc Trụ sở chính Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long cộng trừ tối đa 50%,

(ii) Mức thù lao tháng của các Thành viên còn lại tối đa bằng 20% thù lao bình quân tháng của Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Trưởng Ban Kiểm soát,

(iii) Hội đồng Quản trị quyết định mức thù lao cụ thể cho từng Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

(iv) Việc quyết toán số tiền thù lao trong năm 2025 được xác định dựa trên số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thời gian làm việc thực tế trong năm 2025 và mức thù lao theo nguyên tắc nêu trên.

2.2. Quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

(i) Quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị năm 2025 là phần chênh lệch giữa Quỹ thù lao kế hoạch (5% lợi nhuận trước thuế năm 2025) và Quỹ thù lao thực tế được chi theo Mục 2.1.

(ii) Hệ số phân phối quỹ thưởng giữa các Thành viên Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định.

(iii) Điều kiện thưởng: Bảo Long hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

NGUYỄN THÀNH LONG

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT, VT.*

BAO LONG INSURANCE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

Số: 02 /2025/BC-HĐQT

BÁO CÁO

Về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024

và kế hoạch hoạt động năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (HĐQT) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện một số nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024:

- **Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024:**

STT	Chỉ tiêu	KH 2024 triệu đồng	TH 2024 triệu đồng	% HTKH
1.	**Phí bảo hiểm**	**1,530,000**	**1,526,345**	**99.8%**
2.	Phí nhượng tái	(374,402)	(323,916)	
3.	Tăng (giảm) dự phòng phí	**(13,743)**	**(50,847)**	
4.	Hoa hồng nhượng tái và doanh thu khác	116,549	99,170	
5.	**Doanh thu thuần hoạt động BH gốc**	**1,258,404**	**1,250,752**	**99.4%**
6.	Chi bồi thường (bao gồm trích lập dự phòng BT)	(596,700)	(749,735)	
7.	Thu bồi thường nhượng tái	161,218	273,257	
8.	Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(570,895)	(554,519)	
9.	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh BH gốc	(1,006,377)	(1,030,996)	
10.	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh BH gốc	252,028	219,755	87.2%
11.	Lợi nhuận hoạt động tài chính	75,700	94,987	125.5%
12.	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(246,678)	(233,449)	
13.	**Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh**	**81,050**	**81,293**	**100.3%**
14.	**Lợi nhuận khác**	**-**	**782**	
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**81,050**	**82,076**	**101.3%**

- **Chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:** Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã thống nhất cùng Ban Kiểm soát chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG) trong danh sách các công ty được ĐHĐCĐ 2024 ủy quyền HĐQT lựa chọn, để thực hiện dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Bảo Long theo đúng quy định hiện hành.
- **Thù lao Hội đồng Quản trị:** Trong năm 2024, thù lao của các thành viên HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và nội dung tờ trình đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

2. Các hoạt động khác của Hội đồng Quản trị:

- HĐQT năm vừa qua đã tổ chức đầy đủ các phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia của các Thành viên Ban kiểm soát; lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, tham dự chỉ đạo các phiên họp giao ban hàng tháng với Ban Điều hành Tổng Công ty, theo đó các nghị quyết được thông qua như:
  - **Các nghị quyết được thông qua tại các phiên họp thường kỳ:**
    - + Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2024.
    - + Thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm và dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2024.
    - + Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch hoạt động 3 tháng cuối năm 2024.
    - + Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024.
  - **Các nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**
    - + Nghị quyết về việc phê duyệt chương trình tái bảo hiểm hàng năm.
    - + Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.
    - + Nghị quyết về việc thông qua kết quả kinh doanh năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024.
    - + Nghị quyết về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội, nội dung các dự thảo tờ trình, báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2024.
    - + Nghị quyết về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2024 của Bảo Long.
    - + Nghị quyết về việc ban hành các Quy chế và Quy trình Kiểm toán nội bộ, Quy chế Quản lý rủi ro, Quy chế Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Quy chế Hoạt động khai thác trên môi trường mạng, Quy chế Hoạt động thuê ngoài trong kinh doanh bảo hiểm.

+ Các nghị quyết liên quan đến việc điều chuyển, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, miễn nhiệm CBNV và các vấn đề liên quan đến nhân sự khác của Bảo Long.

+ Và một số Nghị quyết khác trong thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.

- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định, tiếp nhận và xử lý kịp thời các yêu cầu của cổ đông.

- Thực hiện chức năng quản trị công ty theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

3. Đánh giá chung:

Với tinh thần trách nhiệm cao đối với các cổ đông, HĐQT đã thực hiện hiệu quả vai trò kiểm tra, giám sát và đồng hành cùng Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết và quyết định do HĐQT ban hành. HĐQT nhận định rằng, phần lớn các chỉ tiêu trọng yếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đã được hoàn thành, công tác quản trị doanh nghiệp trong năm qua được triển khai một cách nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển tiếp theo của Bảo Long trong năm 2025.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức đầy đủ các phiên họp định kỳ với sự tham gia tích cực, nghiêm túc của các thành viên. Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã cùng thảo luận sâu về các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề trọng điểm gắn liền với chiến lược phát triển của Bảo Long; đồng thời đưa ra các nhận định, đánh giá sát sao về định hướng cũng như việc triển khai kế hoạch kinh doanh đã được đề ra.

Song song đó, HĐQT cũng tăng cường thực hiện nhiệm vụ giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành trong suốt quá trình thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT liên quan đến hoạt động kinh doanh và quản trị, điều hành Công ty. HĐQT luôn có những chỉ đạo linh hoạt, kịp thời nhằm hỗ trợ Ban Điều hành duy trì ổn định hoạt động, nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát huy lợi thế cạnh tranh của Bảo Long trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

Cụ thể, trong năm qua, HĐQT đã tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ chính yếu sau:

- Chủ động giám sát, chỉ đạo và định hướng chiến lược kinh doanh cùng Ban Điều hành, bảo đảm phù hợp với thực tiễn hoạt động của Bảo Long, nhằm linh hoạt thích ứng trước những thách thức từ thị trường nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt, với mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra.

- Kịp thời ban hành các nghị quyết và quyết định liên quan đến định hướng, chính sách kinh doanh, đồng thời chỉ đạo Ban Điều hành triển khai thực hiện một cách hiệu quả.

- Thường xuyên đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua các phiên họp định kỳ, các báo cáo tiến độ, nhằm kịp thời điều chỉnh và nâng cao hiệu quả quản trị.

- Duy trì chế độ họp thường xuyên để cùng Ban Điều hành rà soát, phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp với từng giai đoạn.
- Phối hợp cùng Ban Điều hành trong việc kiểm tra, rà soát và kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, nâng cao chất lượng nhân sự và bộ máy, tăng cường công tác quản lý ngành dọc.
- Đồng hành cùng Ban Điều hành trong việc theo dõi sát sao hoạt động của các công ty thành viên, kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị phát triển ổn định và bền vững.
- Tăng cường phối hợp chặt chẽ, chủ động với Ban Kiểm soát trong việc đảm bảo an toàn hệ thống, kiểm soát rủi ro và tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật cũng như Điều lệ hoạt động của Bảo Long.

4. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc:

Trong vai trò là cơ quan định hướng chiến lược và giám sát toàn diện hoạt động của Công ty, HĐQT luôn chủ động và sâu sát trong hoạt động chỉ đạo, kiểm tra đối với công tác quản lý, điều hành. Cụ thể:

- HĐQT theo dõi, hỗ trợ Ban Điều hành trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế của Công ty, bảo đảm công tác quản lý và vận hành các hoạt động kinh doanh được thực hiện đúng định hướng, hiệu quả và kỷ cương.
- Các hoạt động kiểm tra, giám sát được triển khai đúng chức năng, đúng thẩm quyền, đảm bảo không gây cản trở hoặc chồng chéo với quyền hạn điều hành của Tổng Giám đốc. Thông qua quá trình giám sát, HĐQT kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động thực tiễn và tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh, từ đó nhanh chóng ban hành các chỉ đạo phù hợp để hỗ trợ công tác điều hành, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.
- HĐQT yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo tháng, quý hoặc khi cần thiết, nhằm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo và ra quyết sách linh hoạt, hiệu quả. Việc này cũng góp phần kiểm soát rủi ro và hạn chế các sai sót phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Năm vừa qua, mặc dù nền kinh tế nói chung và thị trường kinh doanh bảo hiểm nói riêng, tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, biến động, nhưng Ban Điều hành đã thể hiện tinh thần chủ động, quyết liệt và trách nhiệm cao trong việc triển khai các nhiệm vụ kinh doanh, đáp ứng các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Các nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT cũng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã không ngừng nỗ lực duy trì sự ổn định hệ thống, linh hoạt ứng biến để mở rộng thị phần, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Bên cạnh đó, lãnh đạo Công ty cũng chú trọng truyền cảm hứng, lan tỏa tinh thần nhiệt huyết đến toàn thể đội ngũ, khuyến khích phát huy tính sáng tạo và chủ động trong

công việc, nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng thích ứng thị trường – hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cho Bảo Long.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Quản lý, điều hành:

- HĐQT sẽ luôn duy trì nguyên tắc, thực hiện đúng chức năng, quyền hạn theo quy định, đảm bảo vai trò định hướng, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành, đáp ứng ngày càng tốt hơn kỳ vọng của Quý cổ đông.
- Duy trì đều đặn chế độ họp định kỳ hàng quý; kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định thông qua hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, đảm bảo hoạt động quản trị doanh nghiệp vận hành thông suốt, minh bạch và đặt lợi ích cổ đông lên hàng đầu.
- Tăng cường chỉ đạo việc triển khai các giải pháp kinh doanh theo Chiến lược phát triển 5 năm đã được ĐHĐCĐ thông qua; cùng Ban Điều hành vượt qua những thách thức từ thị trường, hướng đến mục tiêu hoàn thành các kế hoạch kinh doanh đã đề ra.
- Đẩy mạnh công tác dự báo xu hướng thị trường, nâng cao hiệu quả quản trị tài chính nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính ổn định, an toàn và bền vững cho toàn hệ thống.
- Chủ động rà soát, cập nhật, điều chỉnh và hoàn thiện các quy chế, quy định và quy trình nội bộ theo hướng tuân thủ pháp luật, dễ hiểu, dễ thực thi và có tính ứng dụng cao trong thực tiễn vận hành doanh nghiệp.
- Tăng cường theo dõi, củng cố và phát triển bộ máy tổ chức, tạo nền tảng cho hoạt động kinh doanh ngày càng hiệu quả; đồng thời không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng chuyên nghiệp hóa, đảm bảo nguồn lực vững vàng để hiện thực hóa định hướng phát triển dài hạn.
- Từng bước xây dựng mô hình quản trị hiện đại, hướng đến phát triển đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, sáng tạo và dấn thân – trở thành lực lượng nòng cốt đóng góp vào thành công chung của Bảo Long.
- Siết chặt công tác kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống; duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo tính an toàn trong hoạt động kinh doanh, ngăn ngừa các hành vi lợi dụng, vi phạm, và đảm bảo mọi hoạt động của Bảo Long tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.
- Triển khai tổ chức các hoạt động thi đua, phát triển kinh doanh, tăng cường nhận diện thương hiệu Bảo hiểm Bảo Long thông qua chương trình kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty (1995-2025).

2. Công tác tổ chức nhân sự, phát triển mạng lưới kinh doanh, phát triển thương hiệu

- Tiếp tục chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành trong công tác rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên. Đối với những đơn vị chưa đạt kết quả như kỳ vọng, HĐQT cùng Ban Điều hành tái cấu trúc, điều chỉnh mô hình vận hành hoặc có giải pháp hỗ trợ chuyên sâu, đảm bảo hiệu quả kinh doanh ổn định và bền vững..
- Chủ động điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống chính sách nhân sự theo xu hướng thị trường và định hướng phát triển bền vững. Bên cạnh việc nâng cao năng lực đội ngũ hiện tại, HĐQT định hướng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên môn, quản trị và kỹ năng số để thích ứng với yêu cầu mới của doanh nghiệp hiện đại.
- Linh hoạt trong công tác bố trí, điều chuyển nhân sự nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực; chú trọng xây dựng văn hóa học tập, sáng tạo, lấy nhân sự làm trung tâm cho sự phát triển.
- Tiếp tục tham gia cùng Ban Điều hành trong việc khai thác bảo hiểm qua kênh ngân hàng.
- Ưu tiên triển khai các giải pháp số hóa toàn diện trong hoạt động quản trị và kinh doanh. HĐQT cùng Ban Điều hành tiếp tục thực hiện chiến lược chuyển đổi số, bao gồm: tự động hóa quy trình, hiện đại hóa phần mềm nghiệp vụ, mở rộng sản phẩm bảo hiểm kỹ thuật số, phát triển nền tảng số hóa chăm sóc khách hàng.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm bảo hiểm mới, phù hợp với nhu cầu thay đổi của thị trường, đồng thời đẩy mạnh cá nhân hóa sản phẩm và dịch vụ.
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông – marketing số, nâng cao nhận diện thương hiệu Bảo Long trên nền tảng số, hướng đến hình ảnh doanh nghiệp hiện đại, thân thiện, gần gũi với khách hàng.
- Chú trọng rà soát điều chỉnh chính sách khách hàng, nâng cao hơn nữa dịch vụ chăm sóc khách hàng để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm.
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro, phối hợp hiệu quả với Ban Kiểm soát để phòng ngừa rủi ro tiềm ẩn, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong mọi hoạt động.
- HĐQT Bảo Long luôn nỗ lực vì mục tiêu tối đa hóa quyền lợi của các cổ đông, đồng thời cải thiện phúc lợi, điều kiện làm việc để xây dựng đội ngũ nhân sự gắn bó, nhiệt huyết và có năng lực thích ứng trong bối cảnh thị trường thay đổi liên tục.

Bước sang năm kế hoạch mới trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động và mức độ cạnh tranh ngày càng cao, HĐQT sẽ tăng cường hơn nữa vai trò giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT cũng sẽ chủ động đưa ra các chỉ đạo kịp thời, tháo gỡ vướng mắc và kế thừa, phát huy tối đa những thành quả đã đạt được trong năm trước.

Với tinh thần quyết liệt và sự đồng lòng từ HĐQT đến từng đơn vị trong toàn hệ thống, HĐQT tin tưởng Bảo Long sẽ tiếp tục ghi dấu những bước phát triển ổn định trong năm kinh doanh mới. Đặc biệt, năm 2025 cũng là cột mốc đánh dấu 30 năm hình thành và phát triển của Bảo Long. Đây là dịp để toàn hệ thống cùng nhìn lại những thành tựu đáng tự hào, tiếp thêm động lực để không ngừng vươn xa. HĐQT tin rằng, với nền tảng đã được gây dựng vững chắc, Bảo Long sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định vị thế trên thị trường bảo hiểm và tạo đà bứt phá mạnh mẽ trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu VP.HĐQT, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

NGUYỄN THÀNH LONG

BAO LONG INSURANCE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số: 07/2025/BC-BKS

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

và kế hoạch hoạt động năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long;*
- *Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.*

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024

Đến 31/12/2024, BKS Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) gồm 04 thành viên, sử dụng Ban Kiểm toán nội bộ là bộ phận giúp việc. BKS đã thực hiện và hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ năm 2024 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long, bao gồm:

- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGĐ) tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Bảo Long trong việc quản lý, điều hành Bảo Long;
- Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập;
- Giám sát tình hình tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024 và năm 2023 của Bảo Long theo quy định;
- Tham gia các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐQT;
- Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành (BĐH) và các cán bộ quản lý khác thông qua việc tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp với TGĐ và các đơn vị trong hệ thống. HĐQT, BKS, BĐH đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế tổ chức hoạt động của

BKS. Các ý kiến, kiến nghị của BKS tại 08 cuộc họp đã được ghi nhận và cơ bản được HĐQT, BĐH tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.

- Phối hợp đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Bảo Long.
- BKS đã tổ chức 08 phiên họp chính thức, chi tiết nội dung các phiên họp:
  - ✓ Thông qua các Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ năm 2024;
  - ✓ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024;
  - ✓ Đánh giá kết quả thực thi công việc, cơ cấu tổ chức, chế độ lương và kế hoạch đào tạo của Ban Kiểm toán nội bộ;
  - ✓ Phân công nhiệm vụ thành viên BKS sau khi nhận thông tin từ nhiệm của Bà Lê Thị Thanh Bình – Trưởng BKS;
  - ✓ Đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch kiểm toán năm 2025;
  - ✓ Rà soát Báo cáo tài chính cuối mỗi tháng và trao đổi về một số rủi ro tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2024;
  - ✓ Đánh giá hệ thống KSNB của Bảo Long đến thời điểm hiện tại để đưa ra kiến nghị đối với TGĐ về công tác kiểm tra, giám sát, quản lý rủi ro và tăng năng lực tài chính.
- Trong năm, BKS đã chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra trực tiếp tại 04 đơn vị/ Ban trung tâm và giám sát từ xa 10 đơn vị. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát đã có những kiến nghị với HĐQT, BĐH về các hoạt động điều hành trong các phiên họp HĐQT, trong các báo cáo định kỳ hàng tháng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA BẢO LONG

1. Giám sát đối với hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ. HĐQT đã tổ chức 03 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản nhằm ban hành kịp thời các nghị quyết, quy định, quy chế để định hướng theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong các phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và đóng góp được nhiều ý kiến mang tính thực tiễn cao.
- HĐQT đã ban hành 37 Nghị quyết thuộc nhiều lĩnh vực như nhân sự, kinh doanh, mạng lưới... đáp ứng kịp thời các yêu cầu quản trị điều hành và hoạt động kinh

doanh của Bảo Long. Các quyết định của HĐQT đều có sự đồng thuận cao của các thành viên HĐQT, được BĐH triển khai thực hiện kịp thời.

- HĐQT đã hoạt động tuân thủ theo Điều lệ của Bảo Long.

2. Giám sát đối với hoạt động của TGĐ

- TGĐ đã triển khai nhiều giải pháp về quản lý nghiệp vụ, quản lý tài chính trong năm 2024 nhằm thực hiện các mục tiêu về kinh doanh và quản lý. Năm 2024 là năm thứ hai Bảo Long thực hiện Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2023-2027, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, sự điều hành của TGĐ, Bảo Long đã đạt được mức doanh thu là 1.526.345 triệu đồng, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đạt 100% kế hoạch.
- TGĐ thành lập thêm Trung tâm kinh doanh Thủ Thiêm để mở rộng mạng lưới hoạt động và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- TGĐ đã tăng cường công tác quản trị nội bộ, kiểm soát rủi ro theo quy định của Bảo Long, quy định của pháp luật.
- TGĐ đã hoạt động tuân thủ theo nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ của Bảo Long.

3. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2024, tại ĐHĐCĐ thường niên của Bảo Long ngày 27/06/2024, ĐHĐCĐ đã đưa ra 01 Nghị quyết. BKS đánh giá việc thực hiện các Quyết nghị của ĐHĐCĐ như sau:

- **Về kết quả kinh doanh**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.368.000	1.357.031	99%
Doanh thu phí nhận tái	162.000	169.314	105%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	252.028	219.755	87%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính	75.700	94.987	125%
Lợi nhuận khác	-	782	-

Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.050	82.076	101%

Hoạt động của Bảo Long trong năm 2024 đạt được một số kết quả như sau:

- ✓ Trong năm 2024 doanh thu phí bảo hiểm của Bảo Long là 1.526.345 triệu đồng, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch doanh thu là 100% và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2023. Nghiệp vụ xe cơ giới và nghiệp vụ con người là 02 nghiệp vụ đóng góp nhiều nhất vào doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2024 với tỷ lệ tương ứng là 37% và 29%.
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 là 101.960 triệu đồng, giảm 17% so với cùng kỳ, chủ yếu do giảm thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh. Chi phí hoạt động tài chính năm 2024 là 6.973 triệu đồng, tăng 158% so với cùng kỳ, chủ yếu do ảnh hưởng của tỷ giá.
- ✓ Lợi nhuận năm 2024 là 82.076 triệu đồng đạt 101% kế hoạch lợi nhuận. Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt được 94.987 triệu đồng, đóng góp 116% lợi nhuận trước thuế, hoàn thành 125% kế hoạch lợi nhuận đầu tư của Bảo Long năm 2024.

❖ **Phân phối lợi nhuận năm 2023**

✓ **Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc**

Bảo Long đã trích quỹ dự trữ bắt buộc là 4.447 triệu đồng.

✓ **Thù lao HĐQT, BKS**

Bảo Long đã thực hiện việc chi trả thù lao HĐQT và BKS là 4.327 triệu đồng.

✓ **Chi trả cổ tức:**

Bảo Long không thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2024.

❖ **Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024**

Bảo Long đã chọn công ty KPMG kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024

BKS đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Bảo Long và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

Báo cáo tài chính năm 2024 của Bảo Long được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, được Công ty

TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Bảo Long tại thời điểm ngày 31/12/2024.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2024 như sau:

- Tổng tài sản đạt 2.575.593 triệu đồng, tăng 246.594 triệu đồng, tỷ lệ tăng 11% so với năm 2023. Trong đó:
  - ✓ Tài sản ngắn hạn là 2.406.280 triệu đồng, chiếm 93,4%;
  - ✓ Tài sản dài hạn là 169.313 triệu đồng, chiếm 6,6%;
- Vốn và các quỹ đạt 900.230 triệu đồng, tăng 63.325 triệu đồng, tỷ lệ tăng 7,6% so với cuối năm 2023;
- Tổng doanh thu bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm là 1.526.345 triệu đồng, tăng 5.523 triệu đồng, tỷ lệ tăng 0,4% so với cuối năm 2023;
- Lợi nhuận trước thuế 82.076 triệu đồng;
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Vốn chủ sở hữu: 9,1%;
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 3,2%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông: 10,8%
- Bảo Long đã trích lập dự phòng đúng theo quy định của Bộ Tài chính.

Các khoản dự phòng đến 31/12/2024 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

o Dự phòng phí	607.889
o Dự phòng bồi thường	465.104
o Dự phòng dao động lớn	116.220
o Tài sản tái Bảo hiểm	(327.757)
o Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.612
o Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	878
o Dự phòng nợ khó đòi	23.044
o Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.503

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA BKS

1. Lương, thù lao năm 2024 của BKS

Trong năm 2024, BKS nhận tiền lương (đối với thành viên chuyên trách) và thù lao (đối với thành viên kiêm nhiệm) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024.

2. Lương, thù lao năm 2025 của BKS

BKS đề xuất lương, thù lao, chi phí hoạt động năm 2025 như sau:

Lương, thù lao của Trưởng BKS và các thành viên BKS: theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt tổng mức thù lao của BKS, và theo Nghị quyết của HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể của từng thành viên BKS.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Bảo Long, trong năm 2025 định hướng hoạt động của BKS như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm của BKS được quy định trong Điều lệ, Quy chế hoạt động BKS của Bảo Long.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Bảo Long, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, TGĐ.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham dự các phiên họp khác do Bảo Long tổ chức để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh và quản trị.
- Thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Thẩm định Báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện các yêu cầu của cổ đông, HĐQT theo quy định của Pháp luật.

Trân trọng báo cáo và trình ĐHĐCĐ.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu VP.HĐQT, BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

TÔN THẤT DIÊN KHOA

BAO LONG INSURANCE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

Số: 07/2025/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Bảo Long quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Bảo Long. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thống nhất cùng Ban kiểm soát chọn Công ty Kiểm toán KPMG là Công ty thuộc danh sách các công ty đủ điều kiện kiểm toán do Bộ tài chính công bố để thực hiện dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho Bảo Long theo đúng quy định hiện hành.

Tại Đại hội này, sau khi thống nhất với Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập theo danh sách dưới đây để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Bảo Long như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH KPMG

Nguyên tắc chọn đơn vị kiểm toán độc lập phải là công ty kiểm toán có uy tín trên thị trường, có kinh nghiệm kiểm toán cho công ty bảo hiểm, có chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Kính trình Đại hội nhất trí thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT **THÀNH VIÊN**	**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH**
TÔN THẤT DIÊN KHOA	**NGUYỄN THÀNH LONG**

S.G.P: 71 - C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: 185 Điện Biên Phủ, Q.1, Tp. HCM
Website: baohiembaolong.vn
Điện thoại: (84.28) 3823 9219
Fax: (84.28) 3822 8967

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số: 09/2025/TT-BKS

TỜ TRÌNH

V/v thông qua số lượng Thành viên Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần thứ mười ba) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ngày 30/06/2023,

Khoản 1 Điều 40 Điều lệ Bảo Long hiện hành quy định số lượng Thành viên Ban Kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.

Ban Kiểm soát Bảo Long hiện nay có 04 Thành viên. Sau khi xem xét tình hình hoạt động của hệ thống, nhu cầu về hoạt động kiểm tra giám sát và năng lực của các Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua số lượng Thành viên Ban kiểm soát Bảo Long nhiệm kỳ 2023-2028 là 03 Thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN

S.G.P: 71 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

TÔN THẤT DIÊN KHOA

BAO LONG INSURANCE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số: 08/2025/TT-BKS

TỜ TRÌNH

Về miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát
nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần thứ mười ba) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ngày 30/06/2023,

Ban kiểm soát nhận được thông tin Bà Lê Thị Thanh Bình sẽ xin từ nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát Bảo Long nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, vì lý do cá nhân nên Bà Bình không thể tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ.

Nay Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 đối với Bà Lê Thị Thanh Bình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN

S.G.P: 71 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

TÔN THẤT DIÊN KHOA